CÔNG TY CỔ PHẦN **DAP SỐ 2 – VINACHEM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 2165 /DAP2-TCG	
V/v Báo giá cạnh tranh cung cấp Vật tư các loại	*Lào Cai, ngày 13 tháng 11 năm 2026*

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: .....

Công ty Cổ phần DAP số 2 – Vinachem đang có nhu cầu nhận Báo giá cạnh tranh cung cấp Ống thép và phụ kiện nội dung và yêu cầu báo giá cụ thể như sau:

1. Vật tư, thông số kỹ thuật

TT	Tên vật tư/Hàng hóa	Quy cách kỹ thuật	ĐVT	SL
1.	Tôn tấm	SS304 (khổ 6x1.5m dày 4mm)	Kg	285
2.	Vòng bi cầu	Φ25.4	Viên	123
3.	Lưới lọc	Mesh 24×110, khổ rộng 1.120 mm, vật liệu SS316L (có chứng chỉ phân tích vật liệu và kiểm tra kỹ thuật của bên thứ ba; điều kiện làm việc theo tài liệu đính kèm)	m	210
4.	Bulong ren suốt	M6X40; SUS304	Kg	30
5.	Ecu	M6, SUS304	kg	15
6.	Mũi khoan	inox (ø6mm) HSS-Co Bosch 2608585889	hộp	10
7.	Ống cao su lõi thép	3 inch chịu áp 10 bar, chịu nhiệt >100 độ, có lõi thép tăng cứng, hai đầu ép cốt, gờ lồng SUS316 và có bích xoay Class 150 (L=10m)	Cuộn	03
8.	Lọc dầu cho hộp giảm tốc	AC50-N-IK. xuất xứ AC FILTER/EU (hoặc tương đương)	Cái	06
9.	Cốc hút ẩm	Breathers des-case DC-2	Cái	04
10.	Tấm nhựa	Composite (kt 1220x2440x15mm)	Tấm	04
11.	Dây đai	SPB 2800	Sợi	24
12.	Bơm dầu hộp giảm tốc	M34913010RENGJL250 Partno: 13588923 Xuất xứ: SEW/EU (hoặc tương đương)	Cái	01
13.	Ống	FRP 24inch (6m/cây)	m	12
14.	Keo dán composite	Resin swancor 901-3 (200 kg/ thùng, có Coban VE Accelerator đi kèm)	Kg	200
15.	Chất đóng rắn	Butanox Trigonox V388	Kg	05

TT	Tên vật tư/Hàng hóa	Quy cách kỹ thuật	ĐVT	SL
16.	Puly động cơ bơm 21P301	PHP 3SPB273TB +TB3020x65mm, then 18mm	Bộ	01
17.	Que hàn	Lincol E385-16 3,2mm	Kg	20
18.	Con lăn đỡ	Cao su rãnh thẳng: A=1400, B= 1410, L=1450, D=108, d=25, ch=17	Cái	10
19.	Con lăn lòng máng	Cao su rãnh thẳng: A=445, B= 465, L=485, D=108, d=25, ch=17	Cái	50
20.	Con lăn lòng máng	Cao su rãnh thẳng: A=240, B=250, L=270, D=89, d=20, ch=14	Cái	50
21.	Con lăn đỡ	Cao su rãnh thẳng: A=750, B=760, L=790, D=89, d=20, ch=14	Cái	20
22.	Gioăng chỉ	ID94,6x5,7mm, HNBR, chịu môi chất NH_3, loại nhẵn, không có viền	Cái	10
23.	Gioăng chỉ	ID84,6x5,7mm, HNBR, chịu môi chất NH_3, loại nhẵn, không có viền	Cái	10

2.1. Thư báo giá bao gồm những nội dung sau

- Thời gian cung cấp hàng: Nhà cung cấp báo tiến độ sớm nhất

- Hàng mới 100%; Cung cấp giấy tờ chứng mình nguồn gốc, xuất xứ vật tư đối với mục vật tư số 12. Cung cấp giấy chứng chỉ phân tích vật liệu, kiểm tra kỹ thuật của bên thứ 3 đối với mục vật tư số 3.

- Bảo hành: 12 tháng đối với vật tư theo thứ tự số 3,12; bảo hành 6 tháng đối với mục vật tư 18,19,20,21.

- Hiệu lực của thư chào giá: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày mở thư chào giá.

- Địa điểm giao hàng: Tại kho Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem.

- Thời gian thanh toán: Thanh toán 100% giá trị đối với các mục vật tư không có chế độ bảo hành và 95% giá trị đối với các mục vật tư có chế độ bảo hành trong vòng 45 ngày kể từ ngày Bên Bán bàn giao đầy đủ vật tư và hồ sơ thanh toán hợp lệ, 5% giá trị vật tư bảo hành còn lại được thanh toán trong vòng 10 ngày kể từ khi hết thời hạn bảo hành theo quy định; Hoặc thanh toán 100% giá trị hợp đồng trong vòng 45 ngày kể từ ngày Bên Bán bàn giao đầy đủ vật tư và hồ sơ thanh toán hợp lệ và bên Bán nộp bảo lãnh bảo hành trị giá 5% giá trị vật tư bảo hành (Nội dung của Bảo lãnh bảo hành phải được sự chấp thuận của bên mua và thư bảo lãnh có hiệu lực tối thiểu bằng thời gian bảo hành).

- Hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

2.2. Hình thức và thời gian gửi thư chào giá

- Đề nghị Quý Công ty gửi thư chào giá bằng phong bì kín có niêm phong và gửi trực tiếp hoặc qua đường chuyển phát cho Công ty chúng tôi theo địa chỉ: Tổ Chào Giá,

Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem – Thôn Trung Tâm, xã Tằng Loỏng, tỉnh Lào Cai, bên ngoài bì thư ghi rõ: "*Báo giá cạnh tranh cung cấp Vật tư các loại*" theo công văn số 2165.../DAP2-TCG – nơi nhận: Tổ chào giá- Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem. Các hình thức chào giá khác qua fax, thư điện tử theo địa chỉ vanthu.dap2@gmail.com đến trước thời hạn nhận thư chào giá dưới dây vẫn được chấp nhận.

- Thời gian nhận thư chào giá chậm nhất là 08 giờ 15 ngày 18/11/2026. Các thư chào giá đến sau thời điểm trên sẽ được trả lại nguyên trạng.

2.3. Thời gian mở thư chào giá

Công ty sẽ mở thư chào giá công khai tại văn phòng Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 18/11/2026. Đơn vị tham gia chào giá có thể tham dự buổi mở thư chào giá theo thời gian và địa điểm nêu trên.

3. Nguyên tắc nhận và đánh giá báo giá

Thư mời chào giá này được phát hành nhằm mục đích tiếp nhận và đánh giá báo giá không phải là đề nghị giao kết hợp đồng theo quy định của pháp luật dân sự.

Công ty Cổ phần DAP số 2- Vinachem bảo lưu quyền không lựa chọn bất kỳ báo giá nào hoặc hủy/ chấm dứt việc chào giá mà không phải bồi thường hay chịu trách nhiệm phát sinh.

4. Lựa chọn Nhà cung cấp:

Chúng tôi cam kết bảo mật các thông tin trong Hồ sơ chào giá của Nhà cung cấp trước giờ mở Hồ sơ chào giá. Lựa chọn NCC đáp ứng đồng thời các tiêu chí:

- Chào đúng và đủ số lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật đáp ứng yêu cầu.
- Đáp ứng yêu cầu báo giá (***nêu rõ theo yêu cầu tại mục 2.1***).
- Tổng giá trị gói chào thấp nhất.

Mọi thông tin liên hệ với Tổ chào giá- Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem. Điện thoại: 0947.896.655 (Mr.Chung)/ 0833.919.299 (Ms.Huyền)/ 0388.568.999 (Mr.Thành)/ 0985.202.503 (Mr.Trung).

Lưu ý:

- Thư mời chào giá không phải là đề nghị giao kết hợp đồng để tránh hiểu lầm là cam kết pháp lý hoặc đề nghị giao kết hợp đồng theo quy định của Bộ luật Dân sự.

- Công ty chúng tôi Không tiếp nhận báo giá từ các Nhà cung cấp có lịch sử vi phạm nghĩa vụ bảo hành hoặc các đơn vị nằm trong danh sách hạn chế của Công ty.

Rất mong sự quan tâm hợp tác của Qúy Công ty./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

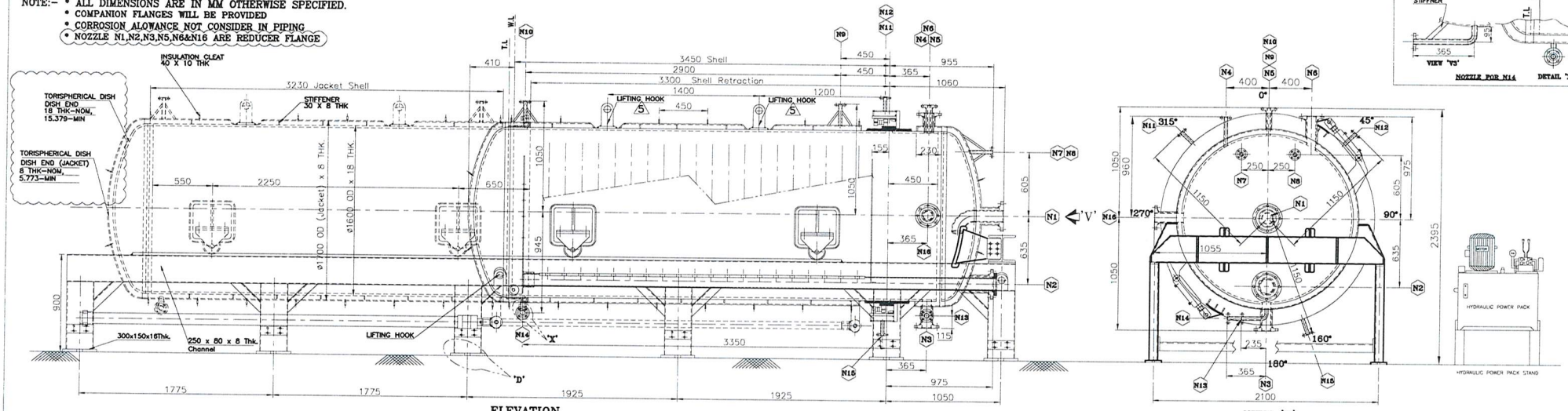
M.S.D.N: 5300... CÔNG TY CỔ PHẦN DAP SỐ 2 VINACHEM TỈNH LÀO CAI

Vũ Việt Tiến

Nơi nhận:
- Như trên;
- Tổ thẩm định giá, TCG (e-copy);
- Lưu: VT.

5-3

NOTE:- * ALL DIMENSIONS ARE IN MM OTHERWISE SPECIFIED.
* COMPANION FLANGES WILL BE PROVIDED
* CORROSION ALOWANCE NOT CONSIDER IN PIPING
* NOZZLE N1,N2,N3,N5,N6&N16 ARE REDUCER FLANGE

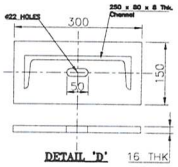


ELEVATION

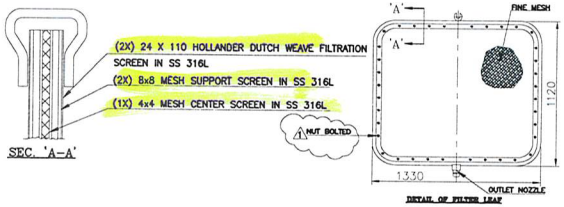
VIEW 'V'
ORIENTATION PLAN
ItemNo:- 20-F201A/B
JOB NO:- F032

NOZZLE DATA

SERVICE	MKD.	MAIN SHELL	JACKET	SCH MAIN PIPE	SCH JKT. PIPE	FLANGE	FLANGES	RATING	APPROX PROJECTION	QTY.
INLET	N1	100	150	40	40	S.O.R.F	ANSI B 16.5	150#	200	01
OUTLET	N2	125	150	40	40	S.O.R.F	ANSI B 16.5	150#	200	01
DRAIN	N3	80	100	80	40	S.O.R.F	ANSI B 16.5	150#	200	01
DRAINING & DRYING BY STEAM	N4	25	–	40	–	S.O.R.F	ANSI B 16.5	150#	200	01
PSV MAIN SHELL	N5	25	50	40	40	S.O.R.F	ANSI B 16.5	150#	200	01
VENT TO PRE-COAT PIT	N6	80	100	80	40	S.O.R.F	ANSI B 16.5	150#	200	01
FIXED DISH STEAM INLET	N7	–	25	–	40	S.O.R.F	ANSI B 16.5	150#	200	01
RETRACT.SHELL STEAM INLET	N9	–	25	–	40	S.O.R.F	ANSI B 16.5	150#	200	01
CLAMPRING STEAM STEAM INLET	N11	–	25	–	40	S.O.R.F	ANSI B 16.5	150#	150	01
FIXED DISH PSV JACKET	N8	–	25	–	40	S.O.R.F	ANSI B 16.5	150#	200	01
RETRACT.SHELL PSV JACKET	N10	–	25	–	40	S.O.R.F	ANSI B 16.5	150#	200	01
CLAMPRING STEAM PSV JACKET	N12	–	25	–	40	S.O.R.F	ANSI B 16.5	150#	150	01
FIXED DISH STEAM DRAIN	N13	–	25	–	40	S.O.R.F	ANSI B 16.5	150#	150	01
RETRACT.SHELL STEAM DRAIN	N14	–	25	–	40	S.O.R.F	ANSI B 16.5	150#	365	01
CLAMPRING STEAM STEAM DRAIN	N15	–	25	–	40	S.O.R.F	ANSI B 16.5	150#	150	01
VENT TO PRECOAT PIT (BY PASS)	N16	80	100	80	40	S.O.R.F	ANSI B 16.5	150#	200	01



DETAIL 'D'



SEC. 'A-A'

DETAIL OF FILTER LEAF

MATERIAL OF CONSTRUCTION

MAIN SHELL :	SA 516 Gr.70	NOZZLES FLANGES : A 105
MAIN DISH :	SA 516 Gr.70	NOZZLE PIPE : A 106 GR B
JACKET SHELL :	SA 516 Gr.70	WHEEL SUPPORT : C.S
JACKET DISH :	SA 516 Gr.70	ROTATING WHEEL : C.S
FIXED SHELL FLANGE :	SA 516 Gr.70	PAD PLATE : SA 516 Gr.70
FIXED DISH FLANGE :	SA 516 Gr.70	GASKET MATERIAL : SILICON
BONNET RING :	SA 516 Gr.70	
BONNET FLANGE:	SA 516 Gr.70	FINISH : * INSIDE COATED WITH
WEDGES :	C.S.	VEGETABLE OIL.
BASE PLATE :	SA 283 Gr.B	* VESSEL TO BE SAND BLASTED &
STRUCTURAL SUPPORT : C.S		PAINTED WITH HIGH TEMPERATURE
ANGEL SUPPORT : C.S		ALUMINIUM PAINT UPTO 300°C

FILTER LEAVES

FILTER LEAVES : SS 316L
FINE MESH : 24 x 110 HOLLANDER DUTCH
WEAVE FILTER SCREEN IN SS 316L
NO. OF LEAVES :
20 NOS- (NUT BOLTED) (1)
LEAF PITCH : 150 mm
'U' FORK : SS 316L
LEAF OUTLET MOUTH : SS 316L
LEAF 'O' RING : VITON
CLOSURE : WEDGE LOCKING

DESIGN DATA

CODE	AS PER ASME SEC. VIII DIV 1	
DESIGN PRESSURE	Bar g	7
OPERATING PRESSURE	Bar g	6 (1)
HYDRO TEST PRESSURE	Bar g	9.1
DESIGN PRESSURE JACKET	Bar g	6/FV (1)
OPERATING PRESSURE JACKET	Bar g	3
HYDRO TEST PRESSURE JACKET	Bar g	8
DESIGN TEMPERATURE	°c	175
OPERATING TEMPERATURE	°c	152
JACKET DESIGN TEMPERATURE	°c	175
JACKET OPERATING TEMPERATURE	°c	152
WEIGHT EMPTY	Kgs (Approx.)	9050
TANK VOLUME	M^3	8.8
OPERATING WEIGHT	Kgs (Approx.)	17850
FILTRATION AREA	M^2	50
INSPECTION BY		SHARPLEX
CORROSION ALLOWANCE (ONLY MAIN SHELL, DISH)	mm	3.2
CORROSION ALLOWANCE (JACKET)	mm	0

POWER PACK

P= 10 HP, EXPROOF N= 1500
V= 380 VOLT, 50 Hz 3PH

HAND OPERATED DCV ON POWER PACK WITH CHECK VALVE/RELIEF VALVE/ LEVEL INDICATOR

REV. No.	DESCRIPTION	DRN. BY.	CHKD. BY.	APPD. BY.	DATE
06	FINAL	Shrikant	SSK	SVK	18.06.13
05	FOR APPROVAL	Shrikant	SSK	SVK	22.05.13
04	FOR APPROVAL	Shrikant	SSK	SVK	28.03.13
03	FOR APPROVAL	Shrikant	SSK	SVK	16.03.13
02	FOR APPROVAL	Shrikant	SSK	SVK	26.02.13
01	FOR APPROVAL	Shrikant	SSK	SVK	21.01.13
00	FOR APPROVAL	Shrikant	SSK	SVK	25.12.12

DAP NO.2 - VINACHEM PROJECT

DAP NO.2 VINACHEM JSC

THIS DRAWING, INCLUDING ANY PATENTED OR PATENTABLE FEATURES, EMBODIES CONFIDENTIAL INFORMATION OF THE TOYO-THAI CORPORATION PUBLIC COMPANY LTD. AND ITS USE IS CONDITIONED UPON THE USER'S AGREEMENT NOT TO REPRODUCE THE DRAWING IN WHOLE OR IN PART, NOR THE MATERIAL DESCRIBED THEREON, NOR TO USE THE DRAWING FOR ANY PURPOSE OTHER THAN SPECIFICALLY PERMITTED IN WRITING BY THE TOYO-THAI CORPORATION PUBLIC COMPANY LTD.

บริษัท โตโย-ไทย คอร์ปอเรชั่น จำกัด (มหาชน)
TOYO-THAI CORPORATION PUBLIC COMPANY LIMITED

TTCL JOB No. F-032 | ACCOUNT | CUSTOMER'S ORDER P.O.No. F032-517000-P0000002 | ISSUE MARK

DRAWING TITLE : DRAWING FOR JACKETED HORIZONTAL PRESSURE LEAF FILTER SHELL TYPE 50M² (SULPHUR)

EQUIPMENT NO :- 20-F201A/B

VENDER DOC. NO :- SH-SULPHUR-416
PROJECT DOC. NO :-20F201AB-08-001

SHARPLEX FILTERS (INDIA) PVT. LTD.
PLOT NO.R-664 THANE BELAPUR ROAD,TTC INDUSTRIAL AREA, RABALE,NAVI MUMBAI-400 701

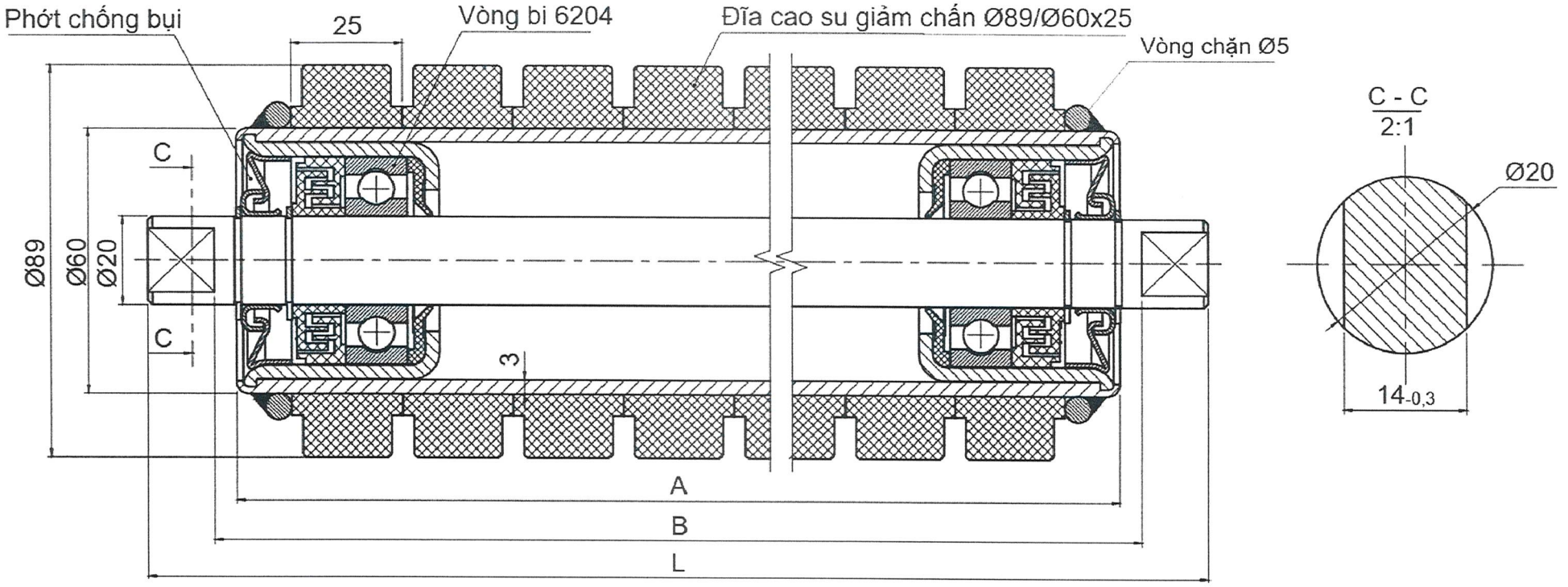
	SIGN.	DATE
DRN. BY.	Shrikant	18.06.13
CHKD. BY.	Shrikant	
APPD. BY.	SSK	
AUTH' BY.	SSK	
SCALE	NTS	

INSPECTION BY : SHARPLEX FILTERS (INDIA) PVT. LTD.
DRAWING TITLE : DRAWING FOR JACKETED HORIZONTAL PRESSURE LEAF FILTER SHELL TYPE 50M² (SULPHUR)
DRG NO :-SH-SULPHUR-416

ORDER NO. : B-416 (12-13)/SULPHUR
P.O. NO. : F032-517000-P0000002
JOB NO F032 | QUANTITY : 02
TYPE : SULPHUR
SHEET : 1 OF 1 | REV. NO.: 06

CADFILE:- F:\SHRIKANT\HPLF\50M2 (B-416) 12-13

5 - 20 + 21



Stt	Thông số kỹ thuật	A	B	L	Số lượng
1	Ø89/Ø60x240/270-6204	240	250	270	50
2	Ø89/Ø60x240/270-6204	750	760	790	20

THÔNG SỐ CAO SU:
- Độ cứng cao su: 65±5;
- Độ dãn dài 300 ÷ 400%;
- Độ bền kéo ≥ 150Kg/cm^2.

Sd	Sl	Stl	Ký	Ngày
Vẽ		Bùi Văn Tạo		
Soát		Đ. Q. Minh		
P.CĐ		Ng. V. Hải		
P. Kth		Đ. Đ. Tuyến		

CON LĂN BĂNG TẢI 23L201

BẢN VẼ CHẾ TẠO

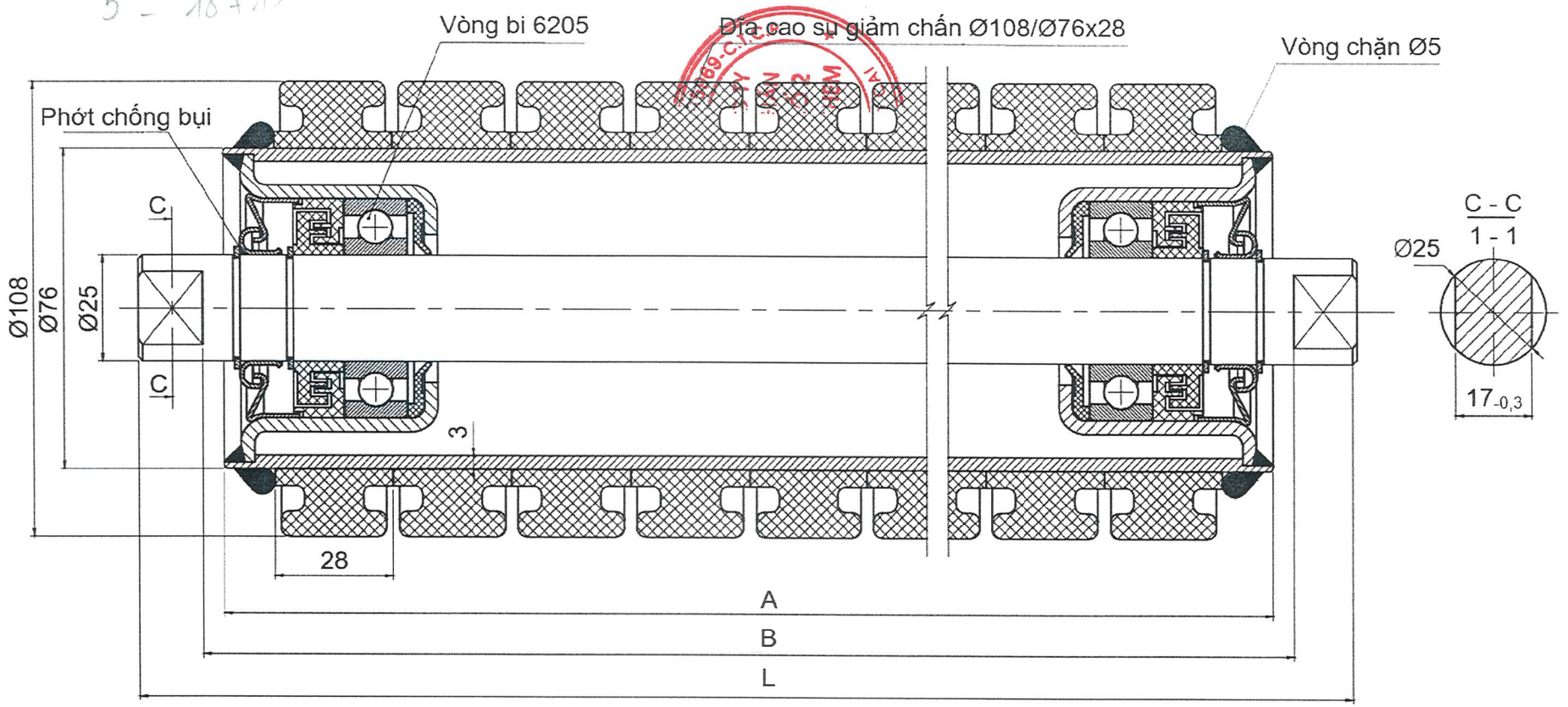
DAP2-23L201

Số lượng	Khối lượng	Tỷ lệ
		1:1

Vật liệu: Thép + Cao su

CÔNG TY CỔ PHẦN
DAP SỐ 2 - VINACHEM
XƯỞNG DAP

5 - 18 + 19



Stt	Thông số kỹ thuật	A	B	L	Số lượng
1	Ø108/Ø76x1400/1450-6205	1400	1410	1450	10
2	Ø108/Ø76x445/485-6205	445	465	485	50

THÔNG SỐ CAO SU:
- Độ cứng cao su: 65±5;
- Độ dãn dài 300 ÷ 400%;
- Độ bền kéo ≥ 150Kg/cm^2.

Sd	Sl	Stl	Ký	Ngày
Vẽ		Bùi Văn Tạo		
Soát		Đ. Q. Minh		
P.CĐ		Ng. V. Hải		
P. Kth		Đ. Đ. Tuyến		

CON LĂN BĂNG TẢI 23L101-23L103

BẢN VẼ CHẾ TẠO	DAP2-23L101, 23L103		
	Số lượng	Khối lượng	Tỷ lệ
			1:1
Vật liệu: Thép + cao su	CÔNG TY CỔ PHẦN DAP SỐ 2 - VINACHEM XƯỞNG DAP		